

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày: 24/5/2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Khem.

Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 19UU (chủ hộ kinh doanh T L);

Địa chỉ: Số nhà YY, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Diễm My, sinh năm 1996 (văn bản ủy quyền lập ngày 06/02/2023, có mặt);

Địa chỉ: Số nhà YY, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn X (tên gọi khác: S, H), sinh năm 19UU (có mặt);

2.2. Bà Thạch Thị T, sinh năm 19YY (có mặt);

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp T H, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Triệu L, Giáo viên nghỉ hưu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M trình bày:

Ngày 24/01/2022 ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L), ký kết Hợp đồng mua bán số 20/2022/HĐMB – HKD về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản với ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông Trần Văn X và Thạch Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 25/11/2022 hai bên đối chiếu nợ, ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M với số tiền là 439.975.000 đồng. Đến ngày 11/5/2023 ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T đã thanh toán được số tiền 55.000.000 đồng và hiện nay còn nợ số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Nay nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Về lãi suất chậm trả ông Nguyễn Duy M không có yêu cầu.

Tại phiên tòa, các bị đơn ông Trần Văn X (S, H) và bà Thạch Thị T cùng trình bày:

Ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) và thừa nhận vợ chồng ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M với số tiền là 439.975.000 đồng. Đến ngày 11/5/2023 ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T đã thanh toán được số tiền 55.000.000 đồng và hiện nay còn nợ số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Do nuôi tôm thất mùa nên không có tiền trả cho ông Nguyễn Duy M như đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) với vợ chồng ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T ký kết Hợp đồng mua bán số 20/2022/HĐMB – HKD ngày 24/01/2022 về việc mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt Hoa sản xuất và thuốc thủy sản. Hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc vụ nuôi sẽ thanh toán nợ cho ông Nguyễn Duy M. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T không thanh toán nợ đầy đủ cho ông Nguyễn Duy M như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 25/11/2022 hai bên đối chiếu nợ thì ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M với số tiền là 439.975.000 đồng. Đến ngày 11/5/2023 ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T đã thanh toán được số tiền 55.000.000 đồng và hiện nay còn nợ số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông Nguyễn Duy M với ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T gồm có: Hợp đồng mua bán lập ngày 24/01/2022, bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 25/11/2022, sổ giao nhận hàng. Đồng thời, tại phiên tòa ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T thừa nhận còn nợ tiền thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) như đã nêu trên. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L). Buộc các bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M được chấp nhận nên các bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 144, 146, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L).

Buộc các bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) số tiền là 384.975.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu T hành án thì hàng tháng ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T còn liên đới trả lãi cho ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm T hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Trần Văn X và bà Thạch Thị T phải liên đới chịu số tiền là 19.248.750 đồng (mười chín triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T L) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 10.999.375 đồng (mười triệu chín trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007813 ngày 07/3/2023 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)’’.

Nơi nhận:

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và
T hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương